TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/KDTM-PT
Ngày 26-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Chính

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3366/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3667/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A; địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Tuấn N; cư trú tại: Xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

2. Ông Nguyễn Văn T; cư trú tại: Xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

3. Ông Trương Công Đức; cư trú tại: Xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; có mặt

(Cùng được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 431/2018/UQ-VPB ngày 16 tháng 3 năm 2018)

- *Bị đơn*: Công ty F; địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh: Số 91 đường Đ, phường L1, quận N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở hiện tại: Số 66 T1, phường M, quận N, thanh phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Việt C – Nhân viên Kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vận tải Quốc tế Trường Khánh (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 11 năm 2018); có mặt

- *Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 31/7/2014, Ngân hàng A và Công ty F ký Hợp đồng tín dụng số 310714-1129542-01-SME. Theo đó, Ngân hàng A cho Công ty F vay số tiền 840 triệu đồng; thời hạn vay là 42 tháng (Từ ngày 04/8/2014 đến 04/02/2018); mục đích vay để Công ty F thanh toán tiền mua 01 đầu kéo và 01 Sơmiromooc của Công ty T; lãi suất trong hạn là 13,75%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần theo biên độ 4,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; trả nợ gốc 42 kỳ (mỗi kỳ trả 20 triệu); thời gian trả gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng. Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty F vay số tiền trên theo Khế ước nhận nợ số 310714-1129542-01-SME ngày 04/8/2014.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, Công ty F thế chấp cho Ngân hàng A 01 đầu kéo nhãn hiệu CNHTC, BKS 15C-097.25, số khung LSB2EA7944496, số máy 140607012297 và 01 Sơmiromooc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-037.82, số khung 2387E1012228 đứng tên Công ty F, theo Hợp đồng thế chấp số 310714-1129542-01-SME/TC ngày 31/7/2014, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty F đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 20/10/2016. Ngân hàng A đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở Công ty F nhưng Công ty F vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do vậy, Ngân hàng A khởi kiện và yêu cầu Tòa buộc Công ty F phải trả Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 355.389.129đ; bao gồm:

- Nợ gốc 266.188.237đ,

- Nợ lãi 77.973.852đ,

- Nợ phạt chậm trả 11.227.040đ và số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A. Trường hợp Công ty F không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp trên.

Tại các văn bản ghi ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của Công ty F là bà Phạm Kim K xác nhận những nội dung Ngân hàng A đưa ra là đúng và cho biết lý do của việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ là do Công ty F khó khăn về kinh tế. Công ty F sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A nhưng đề nghị Ngân hàng kéo dài thời gian trả nợ và hàng tháng Công ty F sẽ trả cho Ngân hàng 10 triệu đồng nợ gốc. Công ty F đề nghị Ngân hàng miễn tiền lãi và tiền phạt chậm trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng A rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt chậm trả là 11.227.040đ.

Tại Bản án số 04/2018/KDTM-ST ngày 26/7/2018, Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); Điều 122, 124, 323, khoản 7 Điều 351, Điều 355 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 (sau đây viết tắt là BLDS); Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

1. Buộc Công ty F phải trả cho Ngân hàng A tạm tính đến ngày 26/7/2018 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản chi phí phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số 310714-1129542-01-SME đã ký ngày 31/7/2014 là 344.162.089đ(*Ba trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm tám chín đồng*), trong đó: Nợ gốc 266.188.237đ; nợ lãi phát sinh 77.973.852đ.

1.1 Công ty F tiếp tục phải trả lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày Công ty thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

1.2 Trường hợp Công ty F không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kiểm kê, phát mại các tài sản bảo đảm đẻ thu hồi số tiền nợ 344.162.089đ, cụ thể:

- 01 chiếc xe đầu kéo nhãn hiệu CNHTC, BKS 15C-097.25, số khung LSB2EA7944496, số máy: 140607012297 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 001550 do Phòng Cảnh sát Giao thông thành phố Hải Phòng ngày 21/7/2014 cấp cho Công ty F.

- 01 chiếc Sơmirơmooc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-037.82, số khung 2387E1012228 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 000322 do Phòng Cảnh sát Giao thông thành phố Hải Phòng ngày 21/7/2014 cấp cho Công ty F.

(Theo Hợp đồng thế chấp ô tô công chứng số 1737, quyển số 01/2014.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/7/2014)

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc buộc Công ty F phải trả tiền phạt chậm trả là 11.227.040đ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/8/2018, Tòa án nhân dân quận N ra Quyết định đính chính, bổ sung bản án số 19/QĐ-BS tại phần: " 1.1 *Công ty F tiếp tục phải trả lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày Công ty thanh toán hết nợ cho Ngân hàng*." Bổ sung thành: "*Công ty F tiếp tục phải trả lãi quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày Công ty thanh toán hết nợ cho Ngân hàng."*

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/8/2018 Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khẳng định là tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi là 11.227.040đ. Bị đơn thừa nhận Công ty F còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi như quyết định của bản án cấp sơ thẩm là đúng và đề nghị Ngân hàng miễn giảm tiền lãi cho Công ty F. Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng nghị: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân rút một phần kháng nghị đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi 11.227.040đ của nguyên đơn. Xét thấy, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong Án lệ số 08/2016/AL nhưng Bản án số 04/2018/KDTM-ST ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân quận N tuyên: "....*Công ty F tiếp tục phải trả lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày Công ty thanh toán hết nợ cho Ngân hàng"* là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm đối với phần tuyên tiếp tục phải trả lãi theo như Án lệ số 08 và bổ sung đình chỉ đối với yêu cầu tiếp tục tính tiền phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham dự phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp: Hợp đồng tín dụng số 310714-1129542-01-SME và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 310714-1129542-01-SME/TC được đại diện hợp pháp của các bên ký kết ngày 31/7/2014 trên tinh thần tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Do vậy, các Hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty F vay số tiền 840 triệu đồng theo Khế ước nhận nợ số 310714-1129542-01-SME ngày 04/8/2014. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty F đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng A đã khởi kiện yêu cầu Công ty F phải trả số tiền 355.389.129đ (gốc, lãi và phạt chậm trả lãi). Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ tài liệu, chứng cứ và sự thừa nhận số nợ của Công ty F chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A là đúng và các bên đương sự không có kháng cáo.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần phạt chậm trả lãi và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đình chỉ phần yêu cầu này là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS. Nhưng tại phần quyết định của bản án tuyên: "*Công ty F tiếp tục phải trả lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày Công ty thanh toán hết nợ cho Ngân hàng*." Việc Tòa án cấp sơ thẩm vừa tuyên Công ty F phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi vừa đình chỉ phần yêu cầu này là có sai sót.

[3] Ngày 07/8/2018, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đính chính, bổ sung Bản án như sau: *"Công ty F tiếp tục phải trả lãi quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày Công ty thanh toán hết nợ cho Ngân hàng."* Theo quy định tại khoản 1 Điều 268 BLTTDS thì: " *Sau khi tuyên án xong thì không được sửa chữa, bổ sung bản án, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai."*. Như vậy, việc sửa chữa, bổ sung Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng với quy định nên không được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn khẳng định là tại phiên tòa sơ thẩm đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối khoản tiền phạt chậm trả là 11.227.040đ và đại diện Viện Kiểm sát tham dự phiên tòa cũng rút nội dung kháng nghị này nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với nội dung kháng nghị này của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

[5] Viện Kiểm sát cho rằng việc tuyên lãi suất quá hạn như vậy cũng là không đúng theo quy định của Án lệ số 08/2016/AL-HĐTP ngày 01/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì theo mục 1 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay. Nên cần tuyên theo nội dung của Án lệ số

08/2016/AL là: "*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty F còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*." Hội đồng xét xử nhận thấy đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng, thì việc tuyên lãi suất quá hạn tiếp theo cần áp dụng theo quy định tại Án lệ số 08/2016/AL-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Như vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do Viện Kiểm sát nhân dân kháng nghị bản án nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 244 BLTTDS; Điều 122, 124, 323, khoản 7 Điều 351, Điều 355 và khoản 1 Điều 474 BLDS năm 2005; Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

- Sửa Bản án sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 và Quyết định đính chính, bổ sung bản án số 19/QĐ-BS ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 27 tháng 7 năm 2018) Công ty F còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Về án phí sơ thẩm: Công ty F phải chịu 17.208.104đ (*Mười bẩy triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, một trăm lẻ bốn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng A 8.383.416đ (*Tám triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm mười sáu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0014610 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương